

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 25-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nông Ngọc Dung;
- Ông Nguyễn Văn Mật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên
tòa:** Bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C (sau đây viết tắt là NHCSXH); địa chỉ: Số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T1, chức vụ: Giám đốc, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19-9-2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Minh T2, chức vụ: Phó Giám đốc, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết định số 132/QĐ-NHCS ngày 22-8-2023 của Giám đốc, Phòng giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn T3, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền ngày 24-8-2023); có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T3, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T1, tại phiên tòa ông Hoàng Minh T2 trình bày:

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội, chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ xác nhận. NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã giải ngân cho bà Ngô Thị M là người ký nhận tổng số tiền 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và có lập 04 phiếu giải ngân của 04 lần vay, có đầy đủ chữ ký, họ và tên của bên cho vay và người nhận tiền là bà Ngô Thị M, cụ thể vào các ngày: Lần 1: Ngày 25-11-2014, số tiền 5.500.000 đồng; lần 2: Ngày 14-10-2015, số tiền 5.500.000 đồng; lần 3: Ngày 26-02-2016, số tiền 5.500.000 đồng; lần 4: Ngày 14-10-2016, số tiền 11.000.000 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 25-3-2022. Hình thức: Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản (cho vay ủy thác qua Hội Liên hiệp phụ nữ thị trấn Đ, huyện C). Người thừa kế khoản vay là ông Lê Văn T3, có mối quan hệ với người đứng tên vay vốn là vợ chồng. Đến hết hạn trả nợ ngày 15-3-2022, bà Ngô Thị M trả nợ cho NHCSXH số tiền 7.500.000 đồng và đề nghị NHCSXH cho gia hạn nợ số tiền 20.000.000 đồng; cùng ngày 15-3-2022 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C đã phê duyệt cho gia hạn nợ số tiền 20.000.000 đồng đến ngày 25-3-2023.

Quá trình trả nợ: Từ ngày 15-11-2022 đến ngày 15-4-2023 bà Ngô Thị M đã tiếp tục trả cho NHCSXH tổng số tiền 14.500.000 đồng, số tiền còn nợ là 5.500.000 đồng, bà Ngô Thị M không thực hiện trả nợ cho NHCSXH với lý do không được nhận khoản vay lần thứ 3 vào ngày 26-02-2016, nhưng thực tế NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã giải ngân khoản vay lần thứ 3 cho người nhận tiền là bà Ngô Thị M vào ngày 26-02-2016, có chữ ký và họ tên người nhận tiền của bà Ngô Thị M tại phiếu giải ngân ngày 26-02-2016. NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã chuyển số tiền 5.500.000 đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 15-4-2023. Sau khi chuyển nợ quá hạn NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã phối hợp với tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn Khu T, Ủy ban nhân dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ thị trấn Đ đôn đốc nhiều lần nhưng bà Ngô Thị M cố tình không trả nợ cho Ngân hàng C. Dư nợ quá hạn của bà Ngô Thị M đến ngày 30-5-2023 là: 5.558.180 đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi tám ngàn một trăm tám mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 5.500.000 đồng, nợ lãi: 58.180 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, NHCSXH yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị M và chồng là ông Lê Văn T3 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền nợ gốc và lãi tạm tính là: 5.558.180 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 5.500.000 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 30-5-2023 là 58.180 đồng và số tiền lãi phát sinh tại thời điểm thanh toán.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa do ông Lê Văn T3 chồng của bị đơn bà Ngô Thị M trình bày: Theo sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình của NHCSXH; mã khách hàng là 7061541132, họ tên người vay là Ngô Thị M; địa chỉ: Khu C, thị trấn Đ (nay là khu T), huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thì chỉ thể hiện bà được ký nhận số tiền nợ gốc của ba lần vay là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) mà NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn giải ngân số tiền gốc vào các ngày: Ngày 25-11-2014 với số tiền 5.500.000 đồng; ngày 14-10-2015 với số tiền 5.500.000 đồng; ngày 14-10-2016 với số tiền 11.000.000 đồng; tổng cộng số tiền ba lần vay là 22.000.000 đồng. Đối với số tiền nợ 22.000.000 đồng, bà và chồng bà là ông Lê Văn T3 đã thanh toán đủ cả gốc và lãi cho NHCSXH tại Phòng C huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Còn số tiền ghi trong sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình ngày 26-02-2016 thì bà không được nhận số tiền vay gốc 5.500.000 đồng, vì không có chữ ký của bà trong sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình. Đối với phần tổng dư nợ ghi trong sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình ngày 14-10-2016 là 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) có chữ ký của bà mang tên Ngô Thị M, bà công nhận chữ ký đó đúng là của bà. Đối với 04 phiếu giải ngân của NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào các ngày: Ngày 25-11-2014 với số tiền 5.500.000 đồng; ngày 14-10-2015 với số tiền 5.500.000 đồng; ngày 26-02-2016 với số tiền 5.500.000 đồng; ngày 14-10-2016 với số tiền 11.000.000 đồng, bà Ngô Thị M đều công nhận đó chính là chữ ký nhận tiền của bà tại 04 phiếu giải ngân nêu trên. Tuy nhiên, bà Ngô Thị M cho rằng bà không được ký tại mục ngày vay ngày 26-02-2016 trong Sổ vay vốn mà bà là người vay lưu giữ nên vợ chồng bà không chấp nhận trả cho NHCSXH số tiền nợ gốc 5.500.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 30-5-2023 là 58.180 đồng (và số tiền lãi phát sinh tại thời điểm thanh toán) của món vay ngày 26-02-2016 như yêu cầu khởi kiện của NHCSXH.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T3 trình bày: Ông là chồng bà Ngô Thị M, ông đồng ý với các ý kiến, yêu cầu của bị đơn bà Ngô Thị M vợ ông trình bày, ông không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về tố tụng, đương sự, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 468, 688 Bộ luật dân sự; các Điều 90, 91, 94, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị M và ông Lê Văn T3 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền nợ gốc và lãi tạm tính là: 5.558.180 đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc là 5.500.000 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 30-5-2023 là 58.180 đồng và số tiền lãi phát sinh tại thời điểm thanh toán. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Hồ sơ vay vốn và các tài kèm theo, bản tự khai của nguyên đơn NHCSXH; Sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình, Giấy chứng nhận kết hôn của bị đơn Ngô Thị M; Biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản

kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án; công văn về việc cung cấp thông tin của UBND thị trấn Đ, huyện C.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất, thừa nhận: Chữ ký, họ và tên của người nhận tiền là bà Ngô Thị M tại 04 phiếu giải ngân của NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào các ngày: Ngày 25-11-2014 với số tiền 5.500.000 đồng, ngày 14-10-2015 với số tiền 5.500.000 đồng, ngày 26-02-2016 với số tiền 5.500.000 đồng, ngày 14-10-2016 với số tiền 11.000.000 đồng, do nguyên đơn giao nộp; tổng dư nợ ghi trong sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình ngày 14-10-2016 là 27.500.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) có chữ ký cùng họ tên Ngô Thị M do nguyên đơn, bị đơn giao nộp, các đương sự đều thừa nhận là có thật. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và là tài liệu chứng cứ không phải chứng minh, theo quy định tại các Điều 92, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp và hoà giải theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Ngô Thị M vắng mặt tại phiên tòa, có lí do. Xét thấy bị đơn vắng mặt có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: NHCSXH khởi kiện bà Ngô Thị M trả nợ ngân hàng, bà Ngô Thị M có nơi cư trú tại khu T, thị trấn Đ, huyện C nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ tranh chấp: NHCSXH khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị M có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo bản phê duyệt giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, mục đích vay để hỗ trợ việc học tập của con bà Ngô Thị M, không nhằm mục đích kinh doanh. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy, theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện có việc vợ chồng bà Ngô Thị M, ông Lê Văn T3 ký vay của NHCSXH 04 lần với tổng số tiền vay gốc 27.500.000 đồng, theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội, chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn

cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ xác nhận. NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã giải ngân cho bà Ngô Thị M nhận tổng số tiền 27.500.000 đồng và có lập 04 phiếu giải ngân của 04 lần vay, có đầy đủ chữ ký, họ và tên của bên cho vay và người nhận tiền là bà Ngô Thị M vào các ngày: Lần 1: Ngày 25-11-2014, số tiền 5.500.000 đồng; lần 2: Ngày 14-10-2015, số tiền 5.500.000 đồng; lần 3: Ngày 26-02-2016, số tiền 5.500.000 đồng; lần 4: Ngày 14-10-2016, số tiền 11.000.000 đồng. Vợ chồng bà Ngô Thị M chỉ thừa nhận vợ chồng bà chỉ vay tiền của của NHCSXH 03 lần vào các ngày vay 25-11-2014, 14-10-2015, 14-10-2016; đến ngày 15-4-2023 vợ chồng bà Ngô Thị M đã trả nợ đủ cho NHCSXH ba lần vay nêu trên là 22.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi ba lần vay đó. Bà Ngô Thị M và chồng ông Lê Văn T3 không thừa nhận được vay 5.500.000 đồng tiền gốc vào ngày 26-02-2016, với lý do số tiền 5.500.000 đồng gốc NHCSXH ghi tại mục ngày vay ngày 26-02-2016 trong Sổ vay vốn mà bà là người vay lưu giữ không có chữ ký của bà Ngô Thị M, như vậy bà không được nhận số tiền vay gốc 5.500.000 đồng của ngày vay 26-02-2016 như NHCSXH khởi kiện, nên bà Ngô Thị M và ông Lê Văn T3 chồng bà Ngô Thị M không chấp nhận trả nợ cho NHCSXH. Tuy nhiên, ngoài lời khai và lý do mà vợ chồng bà Ngô Thị M đưa ra, vợ chồng bà Ngô Thị M không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh ông, bà không được vay, không được nhận số tiền gốc 5.500.000 đồng của lần vay ngày 26-02-2016. Mặt khác xét lời trình bày của vợ chồng bà Ngô Thị M trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa thấy rằng vợ chồng bà Ngô Thị M đều thừa nhận chữ ký, họ và tên của người nhận tiền là bà Ngô Thị M tại 04 phiếu giải ngân của NHCSXH - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào các ngày: Ngày 25-11-2014 với số tiền 5.500.000 đồng, ngày 14-10-2015 với số tiền 5.500.000 đồng, ngày 26-02-2016 với số tiền 5.500.000 đồng, ngày 14-10-2016 với số tiền 11.000.000 đồng, do nguyên đơn giao nộp và tổng dư nợ ghi trong sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình NHCSXH giao cho bà để theo dõi nợ có thể hiện vợ chồng bà nợ NHCSXH tổng số tiền vay gốc là 27.500.000 đồng đều là có thật. Đối chiếu với tổng số tiền vợ chồng bà Ngô Thị M thừa nhận đã trả nợ cho NHCSXH tính đến ngày 15-4-2023 được số tiền gốc 22.000.000 đồng, như lời thừa nhận của vợ chồng bà Ngô Thị M thì số tiền vay gốc 5.500.000 đồng và tiền lãi của ngày vay 26-02-2016 đến nay vợ chồng bà Ngô Thị M chưa thanh toán cho NHCSXH khi đến hạn trả nợ, cho thấy bên vay đã vi phạm nghĩa vụ không trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận hai bên ký kết trước đó. Thấy rằng lời trình bày của NHCSXH về việc vợ chồng bà Ngô Thị M còn nợ lại NHCSXH số tiền vay gốc 5.500.000 đồng của ngày vay 26-02-2016 và tiền lãi của món vay như vậy là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do hai bên đương sự giao nộp, cung cấp, phù hợp với lời khai thừa nhận của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết, nhưng bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn, làm ảnh hưởng tới quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHCSXH, buộc bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi của lần vay ngày 26-02-2016 là 5.558.180 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 5.500.000 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 30-5-2023 là 58.180 đồng (và số tiền lãi phát sinh tại thời điểm thanh toán) cho nguyên đơn. Đối với ông Lê Văn T3 là chồng bà Ngô Thị M, là thành viên của hộ gia đình bà Ngô Thị M, việc vay vốn của Ngân hàng chính sách mục đích vì lợi ích chung của hộ; căn cứ quy

định tại Điều 103 Bộ luật dân sự năm 2015 “trách nhiệm dân sự của thành viên hộ gia đình”, ông Lê Văn T3 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Ngô Thị M trả nợ cho Ngân hàng C.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 468 và 688 của Bộ luật dân sự; Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 94, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; các Điều 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc bà Ngô Thị M và ông Lê Văn T3 phải trả cho Ngân hàng C, thông qua Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền nợ gốc và nợ lãi là 5.558.180 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 5.500.000 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 30-5-2023 là 58.180 đồng) và số tiền lãi phát sinh tại thời điểm thanh toán (cụ thể bà Ngô Thị M và ông Lê Văn T3 mỗi người phải trả cho Ngân hàng C, thông qua Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền nợ gốc và nợ lãi là 2.779.090 đồng và số tiền lãi phát sinh tại thời điểm thanh toán).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/8/2023) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị M và ông Lê Văn T3 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách nhà nước. Ngân hàng C không phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, nên không hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng C.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền

